

THÔNG BÁO
Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu....		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó:- Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác:...		
1.7	Số dư cuối năm		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
2.1			
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu....		
2.1.3	Tổng số thu trong năm		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		
2.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Cho công tác quản lý, chi đạo		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:...		
2.1.7	Số dư cuối năm		
			
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: Chi tiết theo từng công trình, dự án)		
3.1	...		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		
3.1.5	Số chi trong năm		

	Trong đó: -		
	-		
	-		
3.1.6	Số dư cuối năm		
3.2			
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
4.1	Chăm nuôi bán trú		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	4 781 176	
4.1.2	Mức thu....	Khối 1+2+3: 150.000đ/tháng	
		Khối 4: 90.000đ/tháng	
		Khối 5: 60.000đ/tháng	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	1 141 585 000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1 146 366 176	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	1 146 366 176	
4.1.6	Số chi trong năm	1 139 831 500	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	1 139 831 500	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:...		
4.1.7	Số dư cuối năm	6 534 676	
4.2	Quản lý học sinh cuối buổi		
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	113 650 000	
4.2.2	Mức thu....	Khối 1+2+3: 200.000đ/tháng	
		Khối 4: 80.000đ/tháng	
4.2.3	Tổng số thu trong năm	1 361 500 000	
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1 475 150 000	
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	1 475 150 000	
4.2.6	Số chi trong năm	1 250 514 000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	1 250 514 000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi, chi khác		
4.2.7	Số dư cuối năm	224 636 000	
4.3	Hỗ trợ cơ sở vật chất, điện nước học 2 buổi/ngày		
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 617 720	
4.3.2	Mức thu....	Khối 1+2+3: 30.000đ/tháng	
		Khối 4: 20.000đ/tháng	
4.3.3	Tổng số thu trong năm	543 979 000	

4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	545 596 720	
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	545 596 720	
4.3.6	Số chi trong năm	485 916 712	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi điện, nước	121 060 212	
	- Chi cơ sở vật chất	364 856 500	
	- Chi phúc lợi, chi khác		
4.3.7	Số dư cuối năm	59 680 008	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
5.1	Kỹ năng sống		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	574 980	
5.1.2	Mức thu....	Khối 1+2: 48.000đ/tháng	
		Khối 3+4+5: 72.000đ/tháng	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	614 064 000	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	614 638 980	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	614 638 980	
5.1.6	Số chi trong năm	544 647 054	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho n	426 736 800	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	82 367 280	
	- Chi phúc lợi, chi khác	35 542 974	
5.1.7	Số dư cuối năm	69 991 926	
5.2	Tiếng Anh tăng cường		
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	4 512 478	
5.2.2	Mức thu....	10.000đ/Tiết/Tuần	
5.2.3	Tổng số thu trong năm	1 036 880 000	
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1 041 392 478	
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	1 041 392 478	
5.2.6	Số chi trong năm	1 012 166 488	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho n	723 296 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	7 398 000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	154 940 400	
	- Chi phúc lợi, chi khác	126 532 088	
5.2.7	Số dư cuối năm	29 225 990	
5.3	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, tiếng Nhật		
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	32 957 379	
5.3.2	Mức thu....	Tiếng Anh NN: 40.000đ/Tiết/Tuần	
		Tiếng Nhật: 152.000đ/tháng	
5.3.3	Tổng số thu trong năm	3 236 616 000	

5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3 269 573 379	
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	3 269 573 379	
5.3.6	Số chi trong năm	3 002 252 460	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho ng	2 262 848 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	110 750 000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	483 823 960	
	- Chi phúc lợi, chi khác	144 830 500	
5.3.7	Số dư cuối năm	267 320 919	
5.4	Tin học		
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	3 829 296	
5.4.2	Mức thu:...	10.000đ//Tiết/Tuần	
5.4.3	Tổng số thu trong năm	419 800 000	
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	423 629 296	
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	423 629 296	
5.4.6	Số chi trong năm	409 466 000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho ng	307 132 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	37 090 000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	57 244 000	
	- Chi phúc lợi, chi khác	8 000 000	
5.4.7	Số dư cuối năm	14 163 296	
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn đội, đồng phục, sách vở,... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
6.1	Kế hoạch nhỏ		
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu:.....		
6.1.3	Tổng thu	54 750 000	
6.1.4	Đã chi	51 572 000	
6.1.5	Dư	3 178 000	
6.2	Khuyến học		
6.2.1	Số học sinh		
6.2.2	Mức thu:.....		
6.2.3	Tổng thu		
6.2.4	Đã chi		
6.2.5	Dư		
6.3	Y tế		
6.3.1	Số học sinh		
6.3.2	Mức thu:.....		
6.3.3	Tổng thu	62 730 000	
6.3.4	Đã chi	27 535 000	
6.3.5	Dư	35 195 000	
6.4	Bảo trợ trẻ em		
6.4.1	Số học sinh		
6.4.2	Mức thu:.....		
6.4.3	Tổng thu		
6.4.4	Đã chi		
6.4.5	Dư		
6.5	In sao để kiểm tra		

6.5.1	Số học sinh		
6.5.2	Mức thu:.....		
6.5.3	Tổng thu		
6.5.4	Đã chi		
6.5.5	Dư		
6.6	Hội phụ huynh		
6.6.1	Số học sinh		
6.6.2	Mức thu:.....		
6.6.3	Tổng thu		
6.6.4	Đã chi		
6.6.5	Dư		
6.7	Lợn siêu trọng		
6.7.1	Số học sinh		
6.7.2	Mức thu:.....		
6.7.3	Tổng thu	13 900 000	
6.7.4	Đã chi	13 900 000	
6.7.5	Dư		
6.8	Nước uống học sinh		
6.8.1	Số học sinh		
6.8.2	Mức thu:.....	10.000đ/tháng	
6.8.3	Tổng thu	155 590 000	
6.8.4	Đã chi	153 081 310	
6.8.5	Dư	2 508 690	
6.9	Ăn bán trú		
6.9.1	Số học sinh		
6.9.2	Mức thu:.....	30.000đ/ngày	
6.9.3	Tổng thu	4 807 712 000	
6.9.4	Đã chi	4 781 027 910	
6.9.5	Dư	26 684 090	
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	9 739 000 000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	3 749 656 325	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	13 488 656 325	
	- Kinh phí quyết toán	13 488 656 325	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	530 000 000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	1 716 595 000	
	+ Kinh phí giảm trong năm		

	- Kinh phí thực nhận trong năm	2 246 595 000	
	- Kinh phí quyết toán	2 246 595 000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
C	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: chi tiết từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"...."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"...."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3			
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"...."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
D	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
E	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Thị Lựu

Quận Lê Chân, ngàytháng.....năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Thuý Nga